

Mối quan hệ giữa thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn và lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình¹

Trần Thị Thái Hà*, Ngô Thị Thanh Tùng

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam,
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 6 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 7 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 29 tháng 9 năm 2014

Tóm tắt: Nghiên cứu “Mối quan hệ giữa thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn và lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình” làm rõ thanh niên nông thôn có nhiều lựa chọn trong giáo dục: các bậc trong hệ thống giáo dục chính quy, giáo dục phi chính quy, giáo dục truyền thống,... Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy thực trạng học vấn của thanh niên nông thôn vẫn còn thấp và chênh lệch cao so với yêu cầu của thị trường lao động. Học vấn ấy chưa đủ để họ tìm kiếm hay tạo dựng được một ngành nghề phi nông nghiệp và ngược lại, việc khó tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp khiến họ ngập ngừng khi tiếp tục đầu tư học lên bậc học cao hơn. Giải pháp đột phá cho vấn đề nêu trên là cải thiện công tác định hướng nghề thanh niên nông thôn và gia đình họ.

Từ khóa: Thanh niên, nông thôn, tiếp cận giáo dục, giáo dục nông thôn, hộ gia đình nông thôn.

1. Bối cảnh nghiên cứu

“Giáo dục của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay” là đề tài nghiên cứu do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam chủ trì với sự tài trợ của quỹ Nafosted. Mục tiêu chính của đề tài là làm rõ vai trò của các hộ gia đình thể hiện ở chiến lược giáo dục (cách tiếp cận, định hướng, kế hoạch), đầu tư, quan tâm cho giáo dục của các thành viên ở khu vực nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay; Phân tích mối liên hệ giữa vai trò, chiến lược giáo dục của hộ gia đình với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi xã hội ở khu vực nông thôn và các hàm ý về mặt

chính sách từ kết quả nghiên cứu này; Đề xuất các giải pháp (từ phía hệ thống giáo dục, cộng đồng, cơ chế chính sách) nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của các hộ gia đình ở nông thôn đáp ứng quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã làm rõ vai trò và các chiến lược, đầu tư cho giáo dục của các hộ gia đình khu vực nông thôn đối với các cá nhân trong bối cảnh chuyển đổi kinh - tế xã hội ở nước ta hiện nay thông qua việc trả lời một loạt câu hỏi: Có hay không các chiến lược, kế hoạch đã được xác định của các hộ gia đình đối với việc học tập của con cái? Các chiến lược, sự đầu tư cho giáo dục của các thành viên/con cái có thích ứng với nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn hiện nay hay không? Có hay không sự khác biệt về cách tiếp cận giáo dục, đầu tư cho giáo dục của các hộ gia đình

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-977554 880

Email: Hatran.vnes@gmail.com

¹ Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu VI2.3-2011.12 được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted).

qua các biến số như vùng miền, văn hóa, trình độ nhận thức, học vấn, quy mô và kiểu loại gia đình, điều kiện kinh tế? Giáo dục của các hộ gia đình ở những mức độ khác nhau có ảnh hưởng đến hiệu quả (kinh tế, xã hội) mang lại từ giáo dục hay không? Hiện nay xu hướng “ứng xử” của các hộ gia đình với việc học tập của con cái/các thành viên như thế nào.

Mối quan hệ giữa lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình với thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn là một phần kết quả nghiên cứu của nhóm.

2. Quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên quan điểm tiếp cận liên ngành của Giáo dục học, Kinh tế học, Xã hội học, Tâm lý học, Nhân khẩu học.

- **Tiếp cận Kinh tế học:** tìm hiểu mối quan hệ giữa trình độ giáo dục với thu nhập của hộ gia đình, xem xét việc đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình cho các thành viên như là một hình thức đầu tư trong kinh tế; tìm hiểu về các chi phí cho giáo dục: loại chi phí, mức chi phí, khả năng chi trả, các nguồn hỗ trợ, v.v...

- **Tiếp cận Xã hội học:** tìm hiểu những khó khăn trong tiếp cận các nguồn lực, tiếp cận giáo dục của hộ gia đình ở nông thôn; lí giải các nguyên nhân về đầu tư giáo dục; sự bất bình đẳng giữa các nhóm mức sống, điều kiện gia đình trong tiếp cận giáo dục; lí giải vai trò của gia đình trong việc giáo dục các thành viên, các yếu tố truyền thống của gia đình, dòng họ và địa phương đến việc các chiến lược đầu tư cho học tập; gia đình là một thiết chế xã hội đóng vai trò trong kiến tạo vốn nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội.

- **Tiếp cận Giáo dục học:** xem xét khả năng học tập, kết quả giáo dục trong mối quan hệ với đặc điểm và sự quan tâm của gia đình.

- **Tiếp cận Tâm lý học:** xem xét các nhu cầu/ mong muốn học tập của các cá nhân/thành

viên của hộ gia đình; nhu cầu nâng cao vị thế xã hội liên quan đến trình độ giáo dục.

- **Tiếp cận Nhân khẩu học:** nhằm tìm hiểu sự khác biệt về chiến lược đầu tư cho giáo dục giữa các loại hình hộ gia đình (số lượng nhân khẩu, giới tính, dân tộc, tôn giáo, số con cái...).

Hộ gia đình được nhóm nghiên cứu coi là đối tượng nghiên cứu đa dạng và phức tạp về các mặt văn hóa, giáo dục, tâm lí và nhân khẩu học. Vì thế, phương pháp nghiên cứu được lựa chọn là sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, nhằm giảm thiểu các hạn chế của từng phương pháp, đồng thời nâng cao hiệu quả phát hiện vấn đề và thu thập thông tin. Các phương pháp được nhóm nghiên cứu sử dụng bao gồm:

- **Phương pháp hồi cứu tư liệu:** nghiên cứu các tài liệu sẵn có liên quan đến chủ đề nghiên cứu trong và ngoài nước, các chính sách, văn bản về giáo dục và đào tạo và chuyên đề đổi mới xã hội ở nông thôn đề cập đến giáo dục và vai trò của các hộ gia đình.

- **Phương pháp nghiên cứu định lượng:** sử dụng các bảng hỏi được soạn sẵn dành cho các đối tượng là người đại diện của hộ gia đình. Phương pháp nghiên cứu này nhằm đánh giá, tìm hiểu vai trò của các hộ gia đình thể hiện ở các kế hoạch, chiến lược, khả năng và mức độ đầu tư, quan tâm cho giáo dục của các thành viên: hình thức, phương thức, thái độ, các hành động, nguồn lực, v.v...

Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên có hệ thống, lấy hộ gia đình là đơn vị nghiên cứu, khảo sát. Các tỉnh được lựa chọn đại diện cho các vùng kinh tế - xã hội trên cả nước.

- **Phương pháp nghiên cứu định tính:** tiến hành các phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm nhằm tham vấn các nhà quản lí giáo dục, quản lí địa phương và tìm hiểu người dân về vai trò của các hộ gia đình trong tạo điều kiện tiếp cận, thực hiện các chiến lược, kế hoạch giáo dục cho các thành viên. Phương pháp này nhằm tìm kiếm các nguyên nhân, ý nghĩa của các chiến

lược giáo dục ở cấp hộ gia đình thực hiện với các thành viên của mình nhằm trả lời các câu hỏi như: Có hay không các chiến lược đầu tư giáo dục, tại sao? Cha mẹ đầu tư, quan tâm cho con cái như thế nào? Thể hiện ở các kế hoạch, chiến lược nào? Tại sao? Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến các việc thực hiện vai trò của các hộ gia đình đối với việc tiếp cận và cơ hội giáo dục của con cái cũng như thực hiện các chiến lược đầu tư, quan tâm, v.v...

Nghiên cứu được thực hiện tại 05 tỉnh, bao gồm: Vĩnh Phúc, Thái Bình, Quảng Ngãi, Tp.HCM và Cần Thơ. Ở mỗi tỉnh, chọn 01 huyện, tại mỗi huyện, 02 xã và 03 trường được lựa chọn khảo sát. Tổng cộng, 450 phụ huynh học sinh và 450 học sinh đã được khảo sát bằng bảng hỏi soạn sẵn. 45 cán bộ quản lý cấp phòng (phòng giáo dục), 75 cán bộ quản lý cấp sở (sở giáo dục và đào tạo), 105 phụ huynh học sinh, 105 học sinh, 45 đại diện ban giám hiệu và 105 đại diện lãnh đạo xã đã tham gia trong các cuộc phỏng vấn và tọa đàm.

Dưới đây là một số kết quả nghiên cứu được chiết xuất từ kết quả khảo sát, bàn sâu hơn về mối quan hệ giữa lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình với thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn.

3. Mối quan hệ giữa lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình với thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn

3.1. Thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn

3.1.1. Giáo dục chính quy

Theo chương trình giáo dục phổ thông thì những người đến 15 tuổi đã có thể học hết THCS và đến 18 tuổi có thể học xong THPT, sau đó họ có thể học bậc TCCN hoặc học cao đẳng, đại học. Ở nông thôn, hầu hết thanh niên chỉ học xong bậc THCS, một số học hết bậc THPT là rời bỏ hệ thống giáo dục chính quy. Có ít thanh niên nông thôn học lên đại học hay

cao đẳng. Tỷ lệ thanh niên chưa biết đọc, biết viết còn khá cao. Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, năm 2010, số lao động thanh niên (15-35 tuổi) mù chữ là 150.000 người, trong đó 90% là thanh niên nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ này trong năm 2011 là 87% và trong năm 2012 là 85% [5].

Tình trạng giáo dục của thanh niên nông thôn trở nên rõ nét hơn khi đặt trong sự so sánh với thanh niên đô thị, thể hiện ở sự cách biệt rõ ràng về trình độ học vấn. Trình độ học vấn của thanh niên nông thôn thấp hơn nhiều so với thanh niên đô thị. Ở lứa tuổi càng cao thì sự chênh lệch càng lớn. Theo số liệu năm 2011, số lao động chưa tốt nghiệp tiểu học ở nông thôn nhiều gấp đôi ở đô thị (18,11% so với 9,51%), trong khi 37,96% lao động ở đô thị tốt nghiệp THPT thì ở nông thôn, con số này chỉ có 11,40%. Số liệu của các năm 2010 và 2012 cũng cho kết quả tương tự, càng lên bậc học cao, sự cách biệt này càng lớn. Xét về mặt cơ hội thì ở nông thôn, cơ hội học tập của thanh niên hạn chế nhiều so với thành thị như điều kiện kinh tế, trường lớp, môi trường xã hội. Do trình độ dân trí, mức sống và trình độ phát triển kinh tế cao hơn nên đa số thanh niên đô thị cố gắng học hết phổ thông để có thể tiếp tục học cao lên và tìm kiếm được việc làm ổn định. Trong khi đó, đối với thanh niên nông thôn, do bế tắc trong việc tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp nên cũng không nhất thiết học hết phổ thông vì xét đến cùng cũng chỉ làm nông nghiệp.

Tình trạng lặp lại tương tự trong lĩnh vực học nghề, trong năm 2010 có đến 89,90% lao động nông thôn không có chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ này trong năm 2011 và 2012 tương ứng là 86,7% và 83,5%. Xét trên cơ sở nhu cầu của nền kinh tế thì tình trạng trên không phải là đáng lo ngại do ở nông thôn, hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp quy mô nhỏ và lao động thủ công là chủ yếu. Tuy nhiên, xét trên quan điểm phát triển thì với trình độ như vậy, thanh niên nông thôn khó có thể nâng cao được khả năng tự tạo việc làm phi nông nghiệp.

Bảng 1: Trình độ học vấn của nhân khẩu từ đủ 15 tuổi trở lên đang hoạt động kinh tế thường xuyên

	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Trình độ học vấn						
Không biết chữ	1,28	5,43	1,07	4,35	0,91	3,87
Chưa tốt nghiệp tiểu học	10,3	19,6	9,51	18,11	8,51	14,13
Tốt nghiệp tiểu học	25,22	31,72	23,53	31,99	30,78	32,6
Tốt nghiệp THCS	29,84	34,01	27,93	34,15	35,7	29,9
Tốt nghiệp THPT	33,36	9,24	37,96	11,4	24,1	19,5

Nguồn: Số liệu thống kê Lao động - Việc làm ở Việt Nam. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các năm 2010, 2011 và 2012 [2].

Tham khảo các kết quả nghiên cứu cho thấy sở dĩ thanh niên nông thôn không thi vào các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp là vì:

- Phần lớn các trường này đều nằm ở đô thị, hoặc gần đô thị.

- Các ngành học hầu hết đều hướng tới phục vụ đô thị, ít ngành học phục vụ sản xuất nông nghiệp, hoặc các ngành thiết thực với đời sống nông thôn.

- Thời gian học kéo dài.

- Chi phí học cao.

- Không đảm bảo có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Giữa các vùng nông thôn khác nhau cũng có sự cách biệt khá lớn trong phát triển giáo dục. Chẳng hạn, trong năm 2010, 16,05% lao động trên 15 tuổi ở nông thôn đồng bằng sông Hồng đã tốt nghiệp THPT thì con số này ở nông thôn miền núi phía Bắc chỉ là 3,96%. Trong khi 8,08% lao động nông thôn Đông Nam Bộ và 16,12% lao động ở Đồng bằng sông Cửu Long được đào tạo công nhân kỹ thuật thì ở Tây Nguyên, con số này là 3,57%. Trong năm 2011 và 2012, sự cách biệt vùng miền này vẫn chưa có nhiều cải thiện. Ngoài ra còn sự khác biệt rất

lớn về trường lớp, cơ sở vật chất, chất lượng giáo viên, điều kiện giảng dạy và học tập...

Bảng 2: Cơ cấu lao động nông thôn chia theo trình độ học vấn

	2010	2011	2012
Đồng bằng sông Hồng	16,05	19,3	24,2
Đông Bắc	10,95	15,6	22,1
Tây Bắc	3,96	9,7	16,2
Bắc Trung bộ	16,88	18,1	22,8
Duyên hải Nam Trung bộ	9,31	12,0	19,4
Tây Nguyên	7,54	13,4	16,8
Đông Nam bộ	11,41	18,1	20,1
Đồng bằng sông Cửu Long	5,47	11,8	16,6

Nguồn: Số liệu thống kê Lao động - Việc làm ở Việt Nam. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các năm 2010, 2011 và 2012.

Kết quả phỏng vấn sâu và trao đổi với đại diện chính quyền xã, đại diện lãnh đạo các phòng và sở giáo dục và đào tạo, đại diện nhà trường và cha mẹ học sinh đều cho thấy giáo dục - đào tạo ở khu vực nông thôn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

- Trình độ dân trí được nâng cao.

- Quy mô giáo dục tăng nhanh.

- Công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả cao. Các cấp chính quyền, đoàn thể quan tâm hơn đến công tác giáo dục - đào tạo. Tỷ lệ trẻ được huy động đến trường tăng nhanh thông qua việc mở rộng các loại hình giáo dục - đào tạo. Nhiều trường nội trú cho đồng bào dân tộc được xây dựng, tạo điều kiện cho con em dân tộc đến lớp, đến trường. Nguồn lực cho giáo dục - đào tạo tăng nhanh, ước tính các nguồn ngoài NSNN chiếm 25% nguồn tài chính của giáo dục - đào tạo. Trong các tầng lớp nhân dân đang có phong trào học tập rộng rãi nhất là tin học, ngoại ngữ.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, giáo dục và đào tạo ở nông thôn còn một số vấn đề: Giáo dục giữa thành thị và nông thôn có một sự cách biệt đáng kể; Đội ngũ giáo viên vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng; Tình trạng trẻ em thất học hoặc bỏ học sớm cũng một phần bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết, hoặc chưa hiểu biết của cha mẹ và cộng đồng về vai trò của giáo dục; Các cơ sở đào tạo ở nông thôn, đặc biệt miền núi, vùng sâu vùng xa, nhiều năm không được đầu tư đúng với yêu cầu: trường lớp tạm bợ, thiết bị thực hành ít; Nhiều học sinh tốt nghiệp bậc học cao ra trường không muốn về nông thôn công tác, không muốn trực tiếp tham gia lao động sản xuất mà chỉ muốn thoát li khỏi nông thôn; Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ lao động khoa học kỹ thuật và công nghệ cho nông thôn rất cao nhưng còn có nhiều khó khăn về điều kiện ăn, ở, đi lại, học tập; Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và nghiệp vụ thấp.

3.1.2. Giáo dục phi chính quy

Đặc trưng ở nông thôn là sự tồn tại của giáo dục phi chính quy và chính hệ thống này tạo nên các đặc trưng của giáo dục và đào tạo ở nông thôn.

3.1.2.1. Dạy nghề truyền thống

Dạy nghề truyền thống là hình thức dạy nghề, truyền nghề được tổ chức tại các gia đình

hoặc các cơ sở có nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Hình thức này đặc biệt phát triển ở những vùng nông thôn có nghề, tại các làng nghề. Chính vì đặc trưng này mà dạy nghề truyền thống chỉ thu hút lực lượng lao động thanh niên tại chỗ hoặc các vùng lân cận, rất ít thanh niên đi học nghề ở nơi xa do việc mang một nghề mới về làng không phải việc dễ dàng. Tại các cơ sở dạy nghề, thanh niên nông thôn được truyền dạy từng kỹ năng cụ thể của nghề. Thời gian học phụ thuộc vào khả năng thạo việc của từng người và yêu cầu của từng ngành nghề. Phần lớn trường hợp, sau thời gian học việc và thử việc, người học ở lại làm cho các cơ sở sản xuất này. Một số ít trở về gia đình mở cơ sở sản xuất độc lập.

Thanh niên có lợi thế năng động, khéo léo và có sức khoẻ nên thường dễ dàng tiếp cận dịch vụ này. Phần lớn thành viên của cơ sở sản xuất là thanh niên, có những ngành nghề đòi hỏi kỹ thuật cao, đẹp, hấp dẫn như sơn mài, khắc trai, dệt,... thì 100% lao động là thanh niên.

Tuy nhiên, dịch vụ dạy nghề này có nhiều điểm hạn chế:

- Các kiến thức được truyền thụ không có hệ thống, người học không có hiểu biết toàn diện về nghề (đôi khi là do chủ nghề muốn giữ bí quyết) nên khi đối mặt với một hiện tượng mới phát sinh, họ rất lúng túng và thường không tìm được cách xử lý thích hợp. Cũng chính vì hiểu biết rời rạc về nghề mà nhiều khi muốn áp dụng tiến bộ KHKT hay cải tiến công nghệ đều không thực hiện được.

- Thời gian học thường lâu và có thành nghề hay không lại phụ thuộc nhiều vào khả năng của từng người nên nhiều thanh niên nông thôn ngần ngại không muốn thử sức.

- Những người truyền nghề thường giữ kín các thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như các dịch vụ đầu vào (mua nguyên vật liệu, xây dựng cơ sở sản xuất,...); Trong nhiều trường hợp bản thân người truyền nghề cũng không có nhiều thông tin về thị trường sản

phẩm. Chính vì thế thanh niên nông thôn rất khó khăn trong việc tạo dựng cơ sở sản xuất độc lập và phát triển nghề sau khi có nghề.

3.1.2.2. Các khoá dạy nghề ngắn hạn

Thanh niên nông thôn có cơ hội tham gia các khoá dạy nghề ngắn hạn tổ chức ngay tại địa phương. Các khoá học này thường là một trong các hoạt động hỗ trợ thanh niên của Chính phủ, của cá nhân và các tổ chức quốc tế; của các trung tâm dạy nghề và cơ sở đào tạo, của các khu công nghiệp, khu kinh tế được đặt tại địa phương. Hình thức đào tạo này thường đi kèm với việc tổ chức một cơ sở sản xuất tại chỗ, vừa để dạy nghề cho thanh niên, vừa sử dụng nguồn lao động thanh niên này vào hoạt động sản xuất. Để tham gia khoá học và được nhận vào làm việc, thanh niên phải nộp một khoản lệ phí ban đầu và đối với một số ngành nghề, thanh niên đòi hỏi phải có một trình độ học vấn nhất định. Các khoá học này thực chất là sự hỗ trợ hai bên cùng có lợi. Thanh niên nông thôn thì có nghề, có thu nhập, còn người tổ chức thì thu lợi nhuận từ việc tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, không phải thanh niên nông thôn nào cũng đủ khả năng nộp khoản lệ phí ban đầu và trình độ học vấn theo yêu cầu.

Mô hình lớp dạy nghề lưu động đang mở rộng ở nhiều vùng nông thôn. Các cơ sở đào tạo, các trung tâm xúc tiến việc làm đến tận thôn - xã tổ chức lớp học cho thanh niên nông thôn và thu một phần học phí, phần còn lại do Nhà nước hỗ trợ. Mô hình này đáp ứng yêu cầu học nghề của thanh niên của từng địa phương, giúp họ có thể phát triển kinh tế ngay trên địa phương mình, khai thác được những điểm mạnh của địa phương. Vì lẽ đó, các khoá học này đang ngày càng được nhân rộng, nhất là ở các tỉnh phía Nam. Tuy nhiên, với những vùng nông thôn nghèo, thị trường kém phát triển, mô hình này khó có thể áp dụng được bởi thanh niên không muốn và không có tiền để nộp lệ phí.

Khi tổng kết các khoá đào tạo ngắn ngày, một điều có thể nhận thấy là thanh niên nông

thôn thiếu tính tự giác, thiếu lòng nhiệt tình trong học nghề. Họ trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ từ bên ngoài hơn là tham gia vì nhu cầu bản thân. Một nguyên nhân được chỉ ra là thanh niên cần sự hỗ trợ tiếp tục sau các khoá đào tạo. Sự hỗ trợ đó có thể là cách thức tổ chức sản xuất, kinh nghiệm quản lí, thị trường nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm,... Thiếu sự hỗ trợ này, thanh niên có nghề, biết nghề nhưng không dám triển khai thực hiện. Kết quả là có nghề mà không có việc làm và thu nhập.

Các cuộc phỏng vấn và khảo sát cho thấy dạy nghề truyền thống thu hút nhiều lực lượng lao động trẻ, song ở những làng xã không có nghề tiêu thụ công nghiệp thì thanh niên sẽ rất khó khăn khi học nghề và triển khai hoạt động sản xuất sau khi có nghề [6].

Các khoá đào tạo ngắn ngày mở rộng cơ hội cho thanh niên nông thôn tiếp cận với việc làm ngoài nông nghiệp, trở thành công nhân - nông nghiệp, tức là trở thành công nhân của các cơ sở sản xuất, xí nghiệp ngay trên địa phương mình.

Các khoá đào tạo ngắn ngày di động là hình thức dịch vụ mới đối với thanh niên nông thôn, người tổ chức khoá học đã tìm đến với thanh niên, tổ chức các khoá đào tạo theo yêu cầu của thanh niên nên khắc phục được tình trạng thiếu thông tin của thanh niên nông thôn và khai thác được điểm mạnh trong phát triển kinh tế của địa phương. Sau khoá học thanh niên có thể tự tạo việc làm và thu nhập ngay tại quê hương mình.

Thanh niên nông thôn chưa năng động trong việc tiếp cận các khoá đào tạo nghề và chưa tìm cách mở rộng cơ hội phát triển cho bản thân.

3.1.2.3. Trung tâm học tập cộng đồng

Ở các tỉnh đều có hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng do Hội khuyến học quản lí. Sau hơn mười năm (từ 1999 - 2011), mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ) đã phát triển rất mạnh mẽ, với 10,428 trung tâm, phủ kín 93,87% số xã/phường/thị trấn trong cả nước, vượt hơn 13% so với mục tiêu đặt ra

trong Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010" ban hành theo QĐ số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Nhiều Trung tâm HTCD hoạt động rất tích cực, có hiệu quả. Đến cuối năm 2013, cả nước có khoảng 11.000 trung tâm, phủ kín 98% xã, phường trong cả nước [3].

Theo số liệu thống kê của Bộ GD&ĐT, chỉ trong 5 năm (2005 - 2010) đã có hàng chục triệu lượt người được học tập tại các Trung tâm với hàng trăm chuyên đề khác nhau về tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... góp phần tích cực vào việc cải thiện chất lượng đời sống xã hội tại các địa phương. Đồng thời khẳng định vai trò của Trung tâm HTCD là công cụ thiết yếu xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.

Tuy nhiên, phong trào phát triển không đều, số trung tâm hoạt động có chất lượng và hiệu quả chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp, khoảng 10 - 30%. Phần đông các trung tâm còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng, hoạt động mang tính hình thức, kém chất lượng và hiệu quả.

Tại Cần Thơ, trung tâm học tập cộng đồng đã hỗ trợ rất tốt trong việc huy động trẻ đến trường. Trong báo cáo tổng kết hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng trên toàn tỉnh năm 2013, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cần Thơ đã khẳng định, các Trung tâm đã góp phần tích cực vào công tác phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1 và phổ cập giáo dục Tiểu học đạt 100%; học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào Trung học phổ thông đạt trên 80%; học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt trên 96%... [1]. Mặc dù vậy, các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kĩ năng cho lao động đã rời trường phổ thông của các trung tâm là còn rất hạn chế do khó khăn về cán bộ và kinh phí. Ở các xã, phường có khu công nghiệp, trung tâm phối hợp với các khu công nghiệp tổ chức đào tạo nghề may, điện cơ, tin học và trung tâm tổ chức các khoá học phổ cập 2 năm/lớp để bù kiến thức cho các lao động có đủ điều kiện đi làm tại các khu công nghiệp.

Tại Vĩnh Phúc, 100% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng [1]. Ngoài việc hỗ trợ tích cực các trường phổ thông trong việc huy động trẻ đến trường, các trung tâm đã tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề văn hoá, chính trị và kinh tế, từ đó thay đổi nhận thức của người dân, đặc biệt người trong độ tuổi lao động về vai trò của học vấn, nghề nghiệp và sự đóng góp của các cá nhân vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặc dù vậy, theo đánh giá của lãnh đạo các trường và Sở, hiệu quả hoạt động của các trung tâm là thấp, chưa hỗ trợ được cho thanh niên trong độ tuổi lao động, những người đã rời nhà trường phổ thông.

3.2. Mối quan hệ giữa thực trạng giáo dục của thanh niên nông thôn và lựa chọn tiếp cận giáo dục của hộ gia đình

Kết quả phỏng vấn sâu cha mẹ học sinh (hiện có con học từ tiểu học cho đến đại học) và các đại diện cơ sở giáo dục cho thấy, có nhiều lí do khiến thanh niên nông thôn không thể tiếp tục học lên bậc học cao hơn:

- Chi phí học cao
- Kinh tế gia đình khó khăn
- Thanh niên và gia đình của họ coi trọng cái lợi kinh tế trước mắt của việc bỏ học đi làm hơn là đầu tư đi học cao mà chưa chắc đã tìm được việc làm có thu nhập cao hơn.
- Sức học kém.
- Coi trọng bậc học đại học và chưa ý thức được tầm quan trọng của bậc học phổ thông, dẫn đến suy nghĩ, không thể vào học đại học thì có thể bỏ học phổ thông bất kì lúc nào.
- Trường học xa nhà, mạng lưới trường không thuận lợi.

Trừ bậc tiểu học được miễn học phí, ở các bậc học khác, học sinh đều phải đóng tiền nên vào thời điểm chuyển cấp, học sinh và gia đình của họ thường cân nhắc lợi ích của học vấn cao để quyết định có học tiếp hay không. Hầu hết

thanh niên nông thôn đã rời bỏ ghế nhà trường vào các thời điểm này.

“Ngoài học phí, còn rất nhiều khoản đóng góp, đi chơi, tham quan, chẳng nhẽ lại không cho con đi, rồi học tiếng Anh, học thêm... nhiều tiền lắm, mà so với dân thành phố thì cũng không thấm vào đâu...” (trích phỏng vấn phụ huynh học sinh ở Cần Thơ).

“Ở nhà cũng nhiều việc để làm, sau giờ học bọn trẻ vào các vườn trái làm thêm, không được nhiều nhưng bọn nhỏ ham...” (trích phỏng vấn phụ huynh học sinh ở Cần Thơ).

“Tụi nó tìm việc trong các khu công nghiệp, giờ làm gì có đất để làm nông nghiệp, học xong lớp 9, lớp 10 là đi làm được rồi...” (trích phỏng vấn phụ huynh học sinh ở Cần Thơ).

“Cũng muốn cho con học lên cao nhưng nó không chịu học, nó bảo muốn vào đại học thì phải ra thành phố học thêm, ra đấy thì ngoài tiền học, còn tiền trọ, tiền ăn, ... lấy đâu ra...” (trích phỏng vấn phụ huynh học sinh ở Vĩnh Phúc).

Có thể nói trình độ học vấn THCS và THPT không phải là thấp, với trình độ này thanh niên nông thôn hoàn toàn có đủ kiến thức cơ bản để học nghề hoặc nâng cao trình độ khi có nhu cầu. Song điều đáng nói là với nhiều thanh niên nông thôn, con đường học hành lại dừng lại ở đây, họ không học nghề nên trở thành lực lượng lao động không có tay nghề, không có trình độ chuyên môn. Đặc biệt, khi đã có gia đình thì thanh niên nông thôn gần như không muốn tham gia bất kỳ trường lớp nào. Theo số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu Thanh niên thì có đến 86,61% thanh niên nông thôn không có chuyên môn kỹ thuật (Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2009, Số liệu khảo sát [4]). Nhìn nhận trên quan điểm cho rằng lực lượng lao động là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển thì tỉ trọng lao động có chuyên môn kỹ thuật ở nông thôn hiện nay là quá thấp, nó sẽ không thúc đẩy được khả năng tự tạo việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn.

Như vậy, sự lựa chọn tiếp cận, đầu tư giáo dục của hộ gia đình vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của tình trạng học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp của thanh niên nông thôn.

3.3. Những ưu tiên

Để tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục cho thanh niên nông thôn, tăng sức cạnh tranh của lao động trẻ nông thôn với cơ cấu nền kinh tế đang chuyển đổi cần có ưu tiên các chương trình dạy nghề, đào tạo lại và hoàn thiện kỹ năng.

- Giải pháp đột phá cho vấn đề nêu trên là cải thiện công tác định hướng nghề thanh niên nông thôn và gia đình họ. Công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông ở nông thôn hiện nay chưa sát với thực tế nông thôn. Một định hướng tốt không chỉ giúp cho thanh niên nông thôn và gia đình họ lựa chọn nghề nghiệp phù hợp mà còn giúp họ tìm được nghề ngoài nông nghiệp sau khi rời khỏi trường học.

- Quy hoạch phát triển các cơ sở dạy nghề và dịch vụ việc làm để đào tạo ngắn hạn các nghề theo yêu cầu thị trường, như các trung tâm xúc tiến việc làm ở các địa phương, các tổ chức xã hội (đoàn thanh niên, hội phụ nữ, ...).

- Tổ chức lại các chương trình đào tạo công nhân kỹ thuật hệ chính quy dài hạn thuộc hệ thống giáo dục - đào tạo để đáp ứng yêu cầu lao động cho các ngành kinh tế, phù hợp với yêu cầu thị trường, phù hợp với nhu cầu phát triển của nông nghiệp, nông thôn.

- Mở rộng các lớp đào tạo nghề đơn giản, sử dụng ngay để phục vụ cho việc làm trước mắt của họ thông qua các hình thức đào tạo và huấn luyện ngắn hạn, cấp tốc hoặc tuyên truyền giới thiệu các kiến thức, tổ chức việc làm cho bản thân.

Phát triển các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất tiểu thủ

công nghiệp truyền thống, trong đó, ngoài hỗ trợ về kỹ thuật, thông tin thị trường, vốn,... còn tổ chức đào tạo chủ doanh nghiệp, chủ hộ gia đình các năng lực để phát triển như quản trị kinh doanh, tiếp thị, kiến thức về luật pháp, kỹ năng quản lý vốn, hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế quy mô nhỏ...

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Thái Hà, Giải pháp củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục khu vực nông thôn trong thời kì chuyển đổi cơ cấu kinh tế, Báo cáo đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, 20012-2013.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Số liệu thống kê Lao động - Việc làm ở Việt Nam, các năm 2010, 2011, 2012.
- [3] Liên hợp quốc tại Việt Nam, Mở rộng cơ hội lựa chọn cho người nghèo nông thôn, tháng 12/2008.
- [4] Viện Nghiên cứu Thanh niên, Tình hình thanh niên Việt Nam hiện nay, Số liệu khảo sát 42 xã, thuộc 14 huyện trong 7 tỉnh, 2009.
- [5] Tổng cục thống kê, Số liệu thống kê dân số và lao động, 2010, 2011.
- [6] New York, Youth in Vietnam: A Review of the Youth Situation and National Policies and Programmes, Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, United Nation, 2010.

Relations Between Real State of Education of Rural Youth and Option of Access to Education of Households

Trần Thị Thái Hà, Ngô Thị Thanh Tùng

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam,
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam*

Abstract: The study on the “Relations between the real state of education of rural youth and the option of access to education of households” shows that rural youth currently have various options for education - formal education, informal education, traditional education and others. However, the fact shows that the real state of educational level of most of rural youth remains low with high difference as compared with the requirement of the labor market. This educational level is not good enough for them to look for or create a non-agricultural job. That is why, they are found hesitating in continuing their higher education. The breakthrough solution to the above-said issue is to improve the job-orientation work for rural youth and their families.

Keywords: Youth, rural, access to education, rural education, rural households.